

UNIT 11**SCIENCE AND TECHNOLOGY****A CLOSER LOOK 2****I/ NEW WORDS:**

- support /sə'pɔ:t/	(v,n) : (sự) ủng hộ
- quotation mark /kwou'teɪʃən,mɑ:k/	(n) : dấu ngoặc kép
- oversleep /,əʊ.və'sli:p/	(v) : ngủ quá giấc
- technique /tek'ni:k/	(n) : thủ thuật, kĩ thuật
- technical /'tek.nɪ.kəl/	(adj) : thủ thuật, kĩ thuật
- technology /tek'nɒl.ə.dʒi/	(n) : kĩ thuật, công nghệ
- technological /,tek.nə'lɒɪ.dʒɪ.kəl/	(adj) : kĩ thuật, c.nghệ